

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01 năm 2026; Nghị quyết số 36/NQ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 02 năm 2026; Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2026 và Hội nghị Chính phủ với địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu 0 đồng đối với phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về ban hành Kế hoạch tổ chức hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và công tác truyền thông về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 384/KH-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về triển khai thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thực hiện giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh An Giang, trong đó:

- 1.387 thủ tục hành chính thực hiện cắt giảm 50% thời gian giải quyết so với quy định hiện hành.

- 135 thủ tục hành chính thực hiện cắt giảm 30% thời gian giải quyết so với quy định hiện hành.

- 1.302 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp tỉnh và 287 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp xã.

- 1.131 thủ tục hành chính có đối tượng thực hiện liên quan đến doanh nghiệp.

- 779 thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- 692 thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành tỉnh có thủ tục hành chính thuộc danh mục ban hành kèm theo Quyết định này chịu trách nhiệm:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, đối chiếu thời gian giải quyết theo quy định hiện hành với thời gian giải quyết sau khi cắt giảm; rà soát toàn bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý, xác định rõ thủ tục thực hiện tại cấp tỉnh, cấp xã, thủ tục thực hiện liên thông và thủ tục thực hiện trên hệ thống chuyên ngành của bộ, ngành.

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý; bảo đảm thời gian xử lý tại từng bước, từng cơ quan, đơn vị tham gia quy trình phù hợp với thời gian giải quyết đã được cắt giảm.

c) Thực hiện cấu hình quy trình nội bộ đã được phê duyệt trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của bộ, ngành; hoặc gửi danh mục thủ tục hành chính, quy trình nội bộ đã điều chỉnh, bảng phân bổ thời gian xử lý từng bước và các yêu cầu cấu hình điện tử về Sở Khoa học và Công nghệ để cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đối với thủ tục hành chính thực hiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; đồng thời gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi, đôn đốc.

d) Chủ động hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; kịp thời xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền đối với các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

đ) Thực hiện công khai danh mục thủ tục hành chính giảm thời gian giải quyết trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; phối hợp công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp xã và các kênh thông tin phù hợp để tổ chức, cá nhân biết, thực hiện.

e) Trường hợp thủ tục hành chính đã được cắt giảm thời gian giải quyết theo Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ hoặc theo Quyết định công bố của Bộ, ngành chủ quản thì áp dụng theo quy định mới nhất được công bố.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị có liên quan thực hiện cấu hình, cập nhật quy trình điện tử đối với các thủ tục hành chính được thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; bảo đảm thời hạn giải quyết trên hệ thống phù hợp với danh mục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật cho các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong quá trình cấu hình, vận hành quy trình điện tử; kịp thời xử lý các lỗi kỹ thuật phát sinh liên quan đến thời hạn xử lý, luồng xử lý, trạng thái hồ sơ, đồng bộ hồ sơ và kết quả giải quyết.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị kiểm tra việc tích hợp, đồng bộ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, nhất là đối với thủ tục hành chính thực hiện trên hệ thống chuyên ngành của bộ, ngành, gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm:

a) Tổ chức tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo đúng thời gian đã được cắt giảm tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Công khai danh mục thủ tục hành chính giảm thời gian giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, Trang thông tin điện tử của địa phương và các hình thức phù hợp khác.

c) Phân công công chức theo dõi, kiểm soát tiến độ giải quyết hồ sơ hằng ngày; không để phát sinh hồ sơ trễ hạn do chưa cập nhật thời gian xử lý mới hoặc do chậm chuyển bước trên hệ thống.

d) Kịp thời báo cáo sở, ngành quản lý lĩnh vực, Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, nhất là vướng mắc liên quan đến hệ thống thông tin, quy trình liên thông, phí, lệ phí và thẩm quyền giải quyết.

4. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã chịu trách nhiệm:

a) Niêm yết, công khai đầy đủ danh mục thủ tục hành chính giảm thời gian giải quyết; hướng dẫn tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến theo đúng quy định.

b) Kiểm soát việc tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian đã được cắt giảm; kịp thời thông tin cho cơ quan giải quyết hồ sơ khi phát hiện nguy cơ chậm hạn, quá hạn.

c) Phối hợp thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, nhận kết quả điện tử và thực hiện mức thu phí, lệ phí theo Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang.

5. Trường hợp thủ tục hành chính thuộc danh mục ban hành kèm theo Quyết định này đã được cắt giảm thời gian thực hiện theo các Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ; đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ và được bộ, ngành chủ quản công bố, công khai theo quy định về kiểm soát thủ tục hành chính thì thống nhất áp dụng theo Quyết định công bố của bộ, ngành chủ quản (bao gồm danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần).

Các sở, ban, ngành tỉnh chịu trách nhiệm thường xuyên theo dõi, rà soát quyết định công bố thủ tục hành chính của bộ, ngành chủ quản; kịp thời tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, công khai, điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, Cổng Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống chuyên ngành có liên quan; không để phát sinh việc áp dụng đồng thời nhiều thời hạn giải quyết khác nhau đối với cùng một thủ tục hành chính.

6. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm:

a) Theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Chủ trì tổng hợp kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc phát sinh; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý đối với các trường hợp chậm triển khai, chưa cập nhật quy trình nội bộ, chưa cấu hình quy trình điện tử hoặc giải quyết hồ sơ không đúng thời gian đã được cắt giảm.

c) Định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện trong báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; trường hợp cần thiết, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, kiến nghị với cấp có thẩm quyền.

7. Về chế độ báo cáo

Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm các nội dung chủ yếu: số thủ tục đã rà soát; số thủ tục đã tham mưu điều chỉnh quy trình nội bộ; số thủ tục đã cấu hình quy trình điện tử; số hồ sơ phát sinh; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn; số hồ sơ trễ hạn, quá hạn; khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất.

Báo cáo lần đầu gửi trước ngày 30 tháng 6 năm 2026; báo cáo định kỳ hằng tháng lồng ghép trong báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện giảm 30% thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tư pháp (b/c);
- Bộ Công an (b/c);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh (b/c);
- Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh An Giang;
- Công thông tin điện tử tỉnh An Giang;
- Vp. UBND tỉnh: LĐVP, phòng, ban, trung tâm;
- Lưu: VT, ntheory, "HT".

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Phong